

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:02/2026/HS-PT

Ngày 06-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thuỳ

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 90/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Lục Kim H, Hoàng Thị Minh T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2025/HS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo

1. Lục Kim H, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 19 tháng 5 năm 1984 tại tỉnh Cao Bằng, số Căn cước công dân: 004184005058; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối T, phường C, thành phố L (nay là phường L), tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: K + 2 phường Đ, thành phố L (nay là số C, ngõ I, đường N, khối A, phường Đ), tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Hoàng H1 (đã chết) và con bà Hoàng Thị T1; có chồng là ông Chu Dũng H2 và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, xử lý kỷ luật hay xử phạt vi phạm hành chính; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ thôn N, xã X, huyện C (nay là xã B, tỉnh Lạng Sơn) hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 138-QĐ/UBKTHU ngày 09/8/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy C2; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/8/2024 đến ngày 21/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt;

2. Hoàng Thị Minh T, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 02 tháng 02 năm 1968 tại tỉnh Lạng Sơn; số Căn cước công dân: 020168000105; nơi đăng ký hộ

khẩu thường trú và chỗ ở: Khu N, thị trấn Đ, huyện C (nay là thôn N, xã Đ), tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: H (đã chết); con bà: Phùng Thị H3 (đã chết); có chồng là ông Phùng Việt S (đã chết) và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, xử lý kỷ luật hay xử phạt vi phạm hành chính; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ khu N, thị trấn Đ, huyện C (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) hiện nay đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 148-QĐ/UBND THU ngày 30/10/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy C2; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2024 đến ngày 21/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nông Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Ông Nông Văn T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

4. Ông Phùng Đức T3, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

5. Ông Chu Hồng D, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

- Người tham gia tố tụng khác: Bà Lưu Thị M - Giám định viên của Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thuế cơ sở 5 tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lục Kim H là Công chức địa chính, xây dựng, đô thị, môi trường (Công chức địa chính) thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn); từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2023 và từ tháng 7/2023 đến khi bị bắt Lục Kim H công tác tại UBND xã C2, tỉnh Lạng Sơn. Hoàng Thị Minh T nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C2 từ năm 2015 đến tháng 6/2024 và từ tháng 7/2024 đến nay được nghỉ hưu theo quy định.

Trong thời gian công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn C2, Lục Kim H và Hoàng Thị Minh T đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ), gây thiệt hại cho Nhà nước, cụ thể như sau:

Hành vi Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của bị cáo Lục Kim H

Trong thời gian công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn C2, Lục Kim H là công chức địa chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C2 tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của các hộ dân trên địa bàn thị trấn. Trong năm 2020-2021, có 03 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H được giao tiếp nhận giải quyết nhưng không tiến hành các bước xác minh về thời điểm sử dụng đất theo quy định mà tự điền thông tin về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất không đúng so với thực tế vào mẫu Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất (Phiếu lấy ý kiến khu dân cư) dẫn tới các hộ dân này không phải nộp tiền sử dụng đất, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

Thửa đất số 318 (*đo hợp từ thửa 16,17 và 18*), *tờ bản đồ số 23, loại đất ở đô thị; diện tích: 117,8m² thuộc khu G, thị trấn Đ (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn)*. Nguồn gốc thửa đất là do ông cha để lại cho ông Triệu Văn T4, sinh năm 1967, trú tại tổ H, khu G, xã Đ Năm 1995, ông T4 bán thửa đất này cho ông Nguyễn Xuân T5 (đã chết), có vợ là bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1971, trú tại tổ C khối E, thị trấn C, huyện C (nay là phường K, tỉnh Lạng Sơn). Tại thời điểm các bên mua bán, thửa đất là đất trống được sử dụng để trồng cây theo vụ mùa, tuy nhiên ông T5 nhờ ông T4 viết giấy tờ mua bán với nội dung mua bán nhà, đất để thuận tiện về sau, ông T4 đồng ý. Đến năm 1996, ông T5 dựng 01 lều tạm bằng gạch ba banh diện tích khoảng 10m²-12m² trên thửa đất nhưng không sử dụng để ở. Khoảng năm 2000, gia đình ông T5 xây 01 nhà cấp 4 trên thửa đất tuy nhiên chưa sử dụng để ở và đến ngày 18/5/2004 đã bán cho gia đình bà Nông Thị B, sinh năm 1968, trú tại khu G, xã Đ Gia đình bà B sử dụng ổn định đến thời điểm xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2020, bà B đến Ủy ban nhân dân thị trấn C2 nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất trên. Sau khi tiếp nhận và nghiên cứu hồ sơ, H đã báo cáo Hoàng Thị Minh T là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C2 về việc hồ sơ của bà B chưa đủ thông tin để xác nhận thời điểm sử dụng đất, cần xác minh tại thực địa và lập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, tuy nhiên việc họp lấy ý kiến khu dân cư khó thực hiện do mời người dân không đến và T6 khu bận nhiều công việc, H đề xuất với T phương án không phối hợp tổ chức họp lấy ý kiến mà đến trực tiếp các hộ gia đình biết rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng thửa đất của bà B để lấy ý kiến, T đồng ý.

Tuy nhiên, do muốn giải quyết nhanh chóng công việc, H đã không phối hợp với khu dân cư rà soát, lựa chọn người có hiểu biết về nguồn gốc, thời điểm sử dụng thửa đất của hộ bà B; không phối hợp tổ chức họp khu dân cư, lấy ý kiến mà H dựa trên tài liệu có trong hồ sơ rồi tự điền vào phần nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất với nội dung: *“Do ông cha để lại cho ông Triệu Văn T4 sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1980. Đến ngày 16/01/1995 chuyển nhượng cho gia đình bà Nguyễn Thị H4. Ngày 18/5/2004 gia đình bà Nguyễn Thị H4 chuyển cho ông Vương Văn P và Nông Thị B sử dụng”*, sau đó đưa P1 lấy ý kiến

khu dân cư cho bà B đi xin chữ ký của một số hộ dân sinh sống trên địa bàn khu G, rồi H mang Phiếu lấy ý kiến khu dân cư đến gặp ông Phùng Đức T3, sinh năm 1955 là Trưởng khu G, thị trấn Đ xác nhận, do thấy những người liên quan trong phiếu đã ký và biết thửa đất không có tranh chấp nên ông T3 đã ký xác nhận.

Sau khi hoàn thiện, H trình T ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và thực hiện thủ tục niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ theo quy định. Đến ngày 15/5/2020, H xác nhận vào Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nông Thị B với nội dung “3. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: năm 1980” và trình T ký xác nhận vào đơn, sau đó H chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để thẩm định.

Khi tiến hành các bước thẩm định xong, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Phòng T8 (TNMT) huyện C, đồng thời lập phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai gửi Chi cục Thuế huyện C. Đến ngày 14/01/2021, hộ bà B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do thửa đất được xác định thời điểm sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1980 (trước ngày 15/10/1993) nên theo quy định của Luật Đất đai hộ bà B không phải nộp tiền sử dụng đất.

Thửa đất số 257 (được đo tách từ thửa số 17), tờ bản đồ số 18b, loại đất ở đô thị; diện tích: 130,9 m² thuộc khu N, thị trấn Đ (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Nguồn gốc thửa đất do ông cha để lại cho ông Hoàng Trạch D1, sinh năm 1926, trú tại khu N, xã Đ, ông D1 sử dụng thửa đất làm nông nghiệp theo mùa vụ. Năm 1992, ông D1 bán thửa đất này cho ông Hoàng Đức P2, sinh năm 1954 có vợ là bà Lăng Thị T7, sinh năm 1953, cùng trú tại phường L, tỉnh Lạng Sơn, khi bán trên đất không có nhà, chỉ có 01 lán tạm bằng giấy dầu, trụ chống bằng cây tre, diện tích khoảng 30-40m² nhưng không sử dụng để ở. Sau khi mua, gia đình ông P2 giữ nguyên hiện trạng, không ở trên đất và đến năm 1998 đã bán thửa đất cho ông Nông Văn T2, sinh năm 1975, trú tại khu G, xã Đ Đến năm 2000, ông T2 cho 01 người tên S (không rõ họ, địa chỉ) thuê đất, ông S dựng 01 nhà cấp 4 khoảng 100m² để ở và sửa xe máy. Đến năm 2016, ông T2 mới phá nhà cấp 4, xây nhà mới và ở ổn định cho đến nay.

Năm 2021, ông T2 đến Ủy ban nhân dân thị trấn C2 nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất trên. Sau khi tiếp nhận và nghiên cứu hồ sơ, H báo cáo T về việc hồ sơ của ông T2 chưa đủ thông tin để xác nhận về thời điểm sử dụng đất, cần xác minh tại thực địa và lập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, tuy nhiên việc họp lấy ý kiến khu dân cư khó thực hiện do mời người dân không đến và T6 khu bận nhiều công việc, vì vậy H đề xuất với T phương án không phối hợp tổ chức họp lấy ý kiến mà đến trực tiếp các hộ gia đình biết rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng thửa đất của ông T2 để lấy ý kiến, T đồng ý.

Tuy nhiên, do muốn giải quyết nhanh chóng công việc, H đã không phối hợp với khu dân cư rà soát, lựa chọn người có hiểu biết về nguồn gốc, thời điểm

sử dụng thửa đất của hộ ông T2; không phối hợp tổ chức họp khu dân cư, lấy ý kiến mà H dựa trên tài liệu có trong hồ sơ để tự điền vào phần nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ ông T2 với nội dung: “*Do ông cha để lại cho ông Hoàng Trạch D1 sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1980. Đến ngày 25/11/1992 chuyển nhượng cho bà Lăng Thị T7. Ngày 16/7/1998 bà Lăng Thị T7 chuyển nhượng cho Nông Văn T2 sử dụng từ đó đến nay*” sau đó đưa P1 lấy ý kiến khu dân cư cho ông T2 đi xin chữ ký của một số hộ dân sinh sống trên địa bàn khu N, rồi H mang Phiếu lấy ý kiến khu dân cư đến gặp ông Chu Hồng D là Trưởng khu N để ký xác nhận.

Sau khi hoàn thiện, H trình T ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và thực hiện thủ tục niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ theo quy định. Đến ngày 05/02/2021 H xác nhận vào Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T2 với nội dung “...3. *Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: thửa đất được sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1980*” và trình T ký xác nhận vào đơn, rồi H chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để thẩm định.

Khi tiến hành các bước thẩm định xong, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Phòng Tài nguyên Môi trường huyện C, đồng thời lập Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai gửi Chi cục Thuế huyện C. Đến ngày 07/6/2021, hộ ông T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do thửa đất được xác định thời điểm sử dụng vào mục đích đất ở từ năm 1980 (trước ngày 15/10/1993) nên theo quy định của Luật Đất đai hộ ông T2 không phải nộp tiền sử dụng đất.

Thửa đất số 88 (*được đo tách từ thửa 70 và 71*), tờ bản đồ số 25, loại đất ở đô thị; diện tích: 141,9 m² thuộc khu G, thị trấn Đ (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Nguồn gốc thửa đất do bà Vũ Thị P3 (đã chết) chuyển nhượng từ năm 1977 cho bà Hoàng Thị C, sinh năm 1941, trú tại thôn B, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1979, bà C xây nhà nhưng mới xây được móng nhà thì xảy ra chiến tranh biên giới nên gia đình bà sơ tán đi nơi khác sinh sống, từ đó thửa đất bỏ hoang không sử dụng. Năm 1998, bà C bán thửa đất cho ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1968, trú tại khu G, xã Đ Đến tháng 12/1998, ông L mới xây nhà và ở ổn định cho đến nay.

Năm 2021, ông L đến Ủy ban nhân dân thị trấn C2 nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất trên. Sau khi tiếp nhận và nghiên cứu hồ sơ, H báo cáo T về việc hồ sơ của ông L chưa đủ thông tin để xác nhận về thời điểm sử dụng đất, cần xác minh tại thực địa và lập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, tuy nhiên việc họp lấy ý kiến khu dân cư khó thực hiện do mời người dân không đến và T6 khu bận nhiều công việc, vì vậy H đề xuất với T phương án không phối hợp tổ chức họp lấy ý kiến mà đến trực tiếp các hộ gia đình biết rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng thửa đất của hộ ông L để lấy ý kiến, T đồng ý.

Tuy nhiên, do muốn giải quyết nhanh chóng công việc, H đã không phối hợp với khu dân cư rà soát, lựa chọn người có hiểu biết về nguồn gốc, thời điểm sử dụng thửa đất của hộ ông L, không phối hợp tổ chức họp khu dân cư, lấy ý kiến mà đưa P1 lấy ý kiến khu dân cư cho ông L đi xin chữ ký của một số hộ dân sinh sống trên địa bàn khu G, thị trấn Đ. Sau khi ông Lưu C1 lại Phiếu, H dựa trên tài liệu có trong hồ sơ để tự điền vào phần nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất với nội dung: “Do ông cha để lại cho bà Vũ Thị P3 quản lý và sử dụng từ năm 1970 vào mục đích đất trồng cây hàng năm khác. Đến ngày 22/4/1977 chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị C, đến tháng 6/1987, bà C xây nhà ở trên thửa đất, sử dụng đến ngày 26/11/1999 chuyển nhượng cho Nguyễn Thế L quản lý, sử dụng ổn định đến nay”, sau đó mang Phiếu lấy ý kiến khu dân cư đến gặp ông Phùng Đức T3 là Trưởng khu G để ký xác nhận.

Sau khi hoàn thiện, H trình T ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và thực hiện thủ tục niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ theo quy định. Đến ngày 05/02/2021 H xác nhận vào Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông L với nội dung “...3. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: Tháng 6 năm 1987” và trình T ký xác nhận vào đơn, sau đó H chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để thẩm định. Tiến hành các bước thẩm định xong, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Phòng Tài nguyên Môi trường huyện C, đồng thời lập Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai gửi đến Chi cục Thuế huyện C. Đến ngày 16/8/2021, hộ ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do thửa đất được xác định thời điểm sử dụng vào mục đích đất ở từ tháng 6/1987 (trước ngày 15/10/1993) nên theo quy định của Luật Đất đai hộ ông Lưu K phải nộp tiền sử dụng đất.

Ngày 11/9/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 318/QĐ-ANDT trưng cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L) giám định về quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời điểm sử dụng đất vào mục đích xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thế L, bà Nông Thị B, ông Nông Văn T2.

Bản kết luận giám định ngày 20/9/2024 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L xác định: 03 hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thế L, bà Nông Thị B, ông Nông Văn T2 cần phải lấy ý kiến của khu dân cư để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất vào mục đích kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất làm cơ sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Nguyễn Thế L, bà Nông Thị B, ông Nông Văn T2 được lập không đúng quy định, việc lập P1 lấy ý kiến của khu dân cư không đảm bảo tính khách quan, chính xác. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đất ở đô thị của hộ bà Nông Thị B là tháng 5/2004, của hộ ông Nông Văn T2 là năm 2000 và của hộ ông Nguyễn Thế L là tháng 12/1998 (đều sau ngày 15/10/1993).

Ngày 24/9/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 338/QĐ-ANĐT trưng cầu Cục Thuế tỉnh L giám định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Kết luận giám định ngày 04/10/2024 của Chi cục Thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Số tiền sử dụng đất theo quy định hộ bà Nông Thị B phải nộp là 182.590.000 đồng, hộ ông Nông Văn T2 là 531.750.000 đồng và hộ ông Nguyễn Thế L là 286.650.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng đất 03 hộ dân nêu trên phải nộp theo quy định là 1.000.990.000 đồng. Kết luận giám định còn xác định số tiền chậm nộp tính đến ngày 04/10/2024. Tuy nhiên, căn cứ kết quả điều tra, xác định các hộ dân không có lỗi trong việc xác định sai thời điểm sử dụng đất, vì vậy không phải nộp số tiền chậm nộp theo Kết luận giám định của cơ quan chuyên môn.

Ngày 25/9/2025, Đội thuế liên huyện khu vực V nhận được văn bản và các tài liệu do Cơ quan điều tra chuyển tới đề nghị phối hợp cung cấp thông tin. Sau khi xem xét hồ sơ, xác định vị trí đất của hộ ông Nông Văn T2 có 114, 9m² thuộc vị trí 1, còn 16m² thuộc vị trí 2.

Ngày 29/9/2025 Thuế Cơ sở 5 tỉnh Lạng Sơn có Văn bản số 242/TCS5-CNKD xác định số tiền sử dụng đất hộ ông Nông Văn T2 phải nộp là 491.400.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, Giám định viên xác định: Tại thời điểm hồ sơ gửi cho bên Thuế để giám định đều thể hiện đất của 3 hộ dân có vị trí 1. Sau khi xem xét hồ sơ, xác định vị trí đất của hộ ông T2 có 114, 9m² thuộc vị trí 1, còn 16m² thuộc vị trí 2. Nên tổng số tiền các bị cáo gây hậu quả nghiêm trọng với số tiền thất thoát của nhà nước là 960.640.000 đồng.

Hành vi Thiểu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của bị cáo Hoàng Thị Minh T

Đối với 03 hồ sơ trên, khi được H báo cáo kết quả xác minh các thửa đất và trình ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, T chỉ hỏi H hồ sơ đã đảm bảo hay chưa mà không kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với việc thực hiện và kết quả lấy ý kiến khu dân cư. Khi H trả lời hồ sơ đã đảm bảo theo quy định, T ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư mà không phát hiện có sai sót về thời điểm sử dụng đất vào mục đích đất ở của các hồ sơ. Trong đó có nội dung xác nhận mục đích sử dụng đất vào mục đích đất ở đối với hồ sơ của ông Nông Văn T2, bà Nông Thị B là từ năm 1980; trong khi bà T được biết năm 1980 là thời điểm sau chiến tranh biên giới, người dân chưa được phép trở lại sinh sống tại thị trấn Đ nhưng vẫn xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến mà không chỉ đạo H kiểm tra, xác minh lại.

Sau khi hồ sơ được H chuyển đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện C2, H mới báo cáo T về việc đã không thực hiện phối hợp lấy ý kiến khu dân cư, nhưng T không chỉ đạo H rút các hồ sơ về để thực hiện lại các thủ tục theo đúng trình tự thủ tục quy định, dẫn đến các hộ dân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được xác định thời điểm sử dụng đất theo thông tin không chính xác do Hòa giải trong Phiếu lấy ý kiến khu

dân cư. Vì vậy, T phải chịu trách nhiệm về hành vi Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng đối với số tiền 960.640.000 đồng thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2025/HS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn:

- Căn cứ khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lục Kim H;

Tuyên bố bị cáo Lục Kim H phạm Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Xử phạt bị cáo Lục Kim H 03 (ba) năm tù, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2024 đến ngày 21/02/2025 (là 204 ngày). Còn phải chấp hành tiếp là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Minh T

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Minh T phạm Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Minh T 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Thị Minh T và bị cáo Lục Kim H.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C2 (nay là Ủy ban nhân dân xã C2), tỉnh Lạng Sơn thu hồi 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình.

Ghi nhận bị cáo Hoàng Thị Minh T tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho nhà nước số tiền là 50.000.000; bị cáo Lục Kim H tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho nhà nước số tiền là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn luật định, bị cáo Lục Kim H kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo Hoàng Thị Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại cấp phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng Thị Minh T giao nộp: Xác nhận ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” năm 2025 là 3.000.000 đồng; ủng hộ quỹ phòng chống thiên tai bão lụt trong cơn bão matmo 3.000.000 đồng; 03 Đơn xin miễn giảm tiền sử dụng đất của Nông Văn T2, Nguyễn Thế L, Nông Thị B; phiếu thu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo Lục Kim H nộp: Phiếu thu ủng hộ quỹ xây dựng đền C3 số tiền 500.000 đồng; ủng hộ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn 500.000 đồng;

phiếu thu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; Đơn thuốc, Giấy ra viện điều trị bệnh; Bằng khen của Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh tỉnh L năm 2025 mang tên Chu Dũng H2 (là chồng).

Ngày 24/12/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã có văn bản số 991/CV-THS yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn bổ sung tài liệu, chứng cứ. Ngày 08/01/2026 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 28/QĐ-ANĐT trưng cầu Thuế tỉnh Lạng Sơn giám định bổ sung nghĩa vụ tài chính về đất đai và thiệt hại cho ngân sách Nhà nước trong trường hợp các hộ dân có đủ điều kiện được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 591/KL-LSO ngày 04/02/2026 của Thuế tỉnh Lạng Sơn xác định:

Các hộ/cá nhân trên đã bổ sung Đơn xin giảm tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, Đơn xin giảm tiền sử dụng đất của các hộ gia đình bổ sung ngày 16 và 17/01/2025 là không thực hiện cùng với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó hồ sơ không phù hợp với quy định về hồ sơ giảm tiền sử dụng đất theo điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất. Trường hợp nếu cho phép áp dụng giảm tiền sử dụng đất thì có 02/3 hồ sơ thuộc đối tượng được giảm tiền sử dụng đất theo Nghị định 45/2014/NĐ-CP là hồ sơ mang tên người sử dụng đất là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số hộ ông Nông Văn T2 và hộ ông Nguyễn Thế Lưu .+ Hộ ông Nông Văn T2 được giảm 213.999.236 đồng; còn phải nộp 291.752.292 đồng.+ Hộ ông Nguyễn Thế L được giảm 105.000.000 đồng; còn phải nộp 181.650.000 đồng.+ Ông Vương Văn P và bà Nông Thị B không thuộc đối tượng được giảm tiền sử dụng đất. Số tiền phải nộp là 182.590.000 đồng. Tổng số tiền sau khi giám định bổ sung còn lại giảm còn 655.992.292 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Lục Kim H và bị cáo Hoàng Thị Minh T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lục Kim H về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 và xét xử bị cáo Hoàng Thị Minh T về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là đã phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo đã cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới: Các phiếu thu ủng hộ quỹ người nghèo, ủng hộ quỹ bảo lụt, xây dựng đền, quỹ học sinh nghèo vượt khó và nộp án phí sơ thẩm; bị cáo Lục Kim H là người có bệnh và đang điều trị nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

ngoài ra Kết luận giám định bổ sung thể hiện số tiền các bị cáo gây thiệt hại giảm còn 655.992.292 đồng nên tính chất, mức độ của hành vi phạm tội đã giảm đáng kể phần nào. Đối với số tiền các bị cáo đã nộp tự nguyện khắc phục hậu quả, đây là số tiền các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước theo quy định nên số tiền này cần được trả lại cho các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa phần hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo; giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Thị Minh T từ 06 tháng đến 12 tháng tù và ấn định lại thời gian thử thách; áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lục Kim H, giữ nguyên mức hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lục Kim H, Hoàng Thị Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ để xác định:

[1.1] Trong năm 2020, năm 2021 tại thị trấn Đ, huyện C (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn) bị cáo Lục Kim H là Công chức địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn C2 được giao nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của các hộ dân, vì động cơ cá nhân muốn có lợi cho các hộ dân, giải quyết nhanh chóng thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định và đảm bảo thời gian hoàn thành công việc được giao mà không nhằm mục đích hưởng lợi ích vật chất. Tuy nhiên để muốn hoàn thành công việc được giao nên bị cáo đã làm trái công vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc lấy ý kiến khu dân cư về việc xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với 03 thửa đất của các hộ dân, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua giám định bổ sung sau khi đã giảm 50% tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình nếu đủ điều kiện là 655.992.292 đồng. Tại thời điểm tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo đã gây thiệt hại số tiền này nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bản thân.

[1.2] Bị cáo Hoàng Thị Minh T là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C2 đã thiếu trách nhiệm, không tiến hành kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo bị cáo Lục Kim H về các nội dung liên quan đến việc họp lấy ý kiến, không làm hết trách nhiệm trong việc kiểm tra, không phát hiện các thông tin sai sót về thời điểm sử dụng đất. Sau khi bị cáo Lục Kim H báo cáo về việc không phối hợp thực hiện họp lấy ý kiến khu dân cư theo quy định, bị cáo Hoàng Thị Minh T đã không chỉ đạo

bị cáo Lục Kim H rút hồ sơ để thực hiện lại các thủ tục theo quy định dẫn tới việc bị cáo Lục Kim H làm trái công vụ gây hậu quả nghiêm trọng.

[2] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lục Kim H về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 và xét xử bị cáo Hoàng Thị Minh T về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tuy nhiên một lần nữa cũng cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ của hành vi tội phạm mà các bị cáo đã gây ra để có mức án thỏa đáng cho các bị cáo tại cấp phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lục Kim H và kháng cáo xin giảm mức hình phạt tù 03 năm đã được hưởng án treo của bị cáo Hoàng Thị Minh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng nhân thân của các bị cáo, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, với tổng số tiền 960.640.000 đồng là chưa chính xác. Thiệt hại được xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận và phải là thiệt hại thực tế xảy ra sau khi đã đánh giá, xem xét đầy đủ các quy định của Nhà nước về mức miễn, giảm cuối cùng của các hộ dân được hưởng làm căn cứ đánh giá. Tại cấp phúc thẩm đã bổ sung khắc phục và đã có Kết luận giám định bổ sung xác định được số tiền thiệt hại thực tế đã giảm xuống chỉ còn lại 655.992.292 đồng. Do đó khi lượng hình cần xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra đã giảm đáng kể so với cấp sơ thẩm đánh giá.

[3.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lục Kim H, Hoàng Thị Minh T xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ mới. Bị cáo Hoàng Thị Minh T ủng hộ quỹ Vì người nghèo năm 2025, quỹ phòng chống bão lụt năm 2025; 03 Đơn xin miễn giảm tiền sử dụng đất của Nông Văn T2, Nguyễn Thế L, Nông Thị B; đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; bị cáo Lục Kim H ủng hộ quỹ xây dựng đền C3, ủng hộ học sinh nghèo vượt khó, bị cáo có chồng là Chu Dũng H2 được tặng thưởng Bằng khen. Do vậy, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Tại cấp sơ thẩm các bị cáo đã có ý thức tự nguyện khắc phục thiệt hại số tiền 150.000.000 đồng, điều này thể hiện các bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bản thân và thực sự ăn năn hối cải. Mặt khác tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang là dịch Covid-19, do muốn giải quyết nhanh chóng công việc của nhân dân và tránh lây lan dịch Covid - 19 nên các bị cáo đã không tiến hành họp khu dân cư để lấy ý kiến; các bị cáo không nhằm mục đích hưởng lợi ích vật chất. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét tình tiết này để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo, cũng như có mức hình phạt tương

xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[3.4] Bị cáo Hoàng Thị Minh T có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3.5] Bị cáo Lục Kim H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bị cáo Lục Kim H đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] Đối với số tiền các bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, xét thấy: Số tiền này các hộ dân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nên phải có trách nhiệm, nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước. Do quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình ông Nguyễn Thế L, Nông Văn T2 và bà Nông Thị B không đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai nên cần thu hồi các giấy chứng nhận này theo quy định mới đảm bảo. Như vậy cấp sơ thẩm đã có kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi các giấy chứng nhận này là có căn cứ. Do đó số tiền thu thuế sử dụng đất đối với các hộ gia đình nêu trên sẽ được xác định lại từ đầu khi các hộ nêu trên có đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cần sửa Bản án sơ thẩm, số tiền các bị cáo tự nguyện khắc phục cần được tuyên trả lại cho các bị cáo.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị nào có căn cứ thì được chấp nhận, đề nghị nào không có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Hoàng Thị Minh T, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lục Kim H; sửa một phần nội dung của Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2025/HS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn về phần hình phạt tù, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo Lục Kim H, Hoàng Thị Minh T, cụ thể:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lục Kim H.

Xử phạt bị cáo Lục Kim H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 06/02/2026.

Giao bị cáo Lục Kim H cho Ủy ban nhân dân phường C2, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Thị Minh T.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tù cho hưởng án treo về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2025.

Giao bị cáo Hoàng Thị Minh T cho Ủy ban nhân dân xã C2, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Trả lại bị cáo Lục Kim H 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đã nộp khắc phục hậu quả theo biên lai số 0000366, ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn; trả lại cho bị cáo Hoàng Thị Minh T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đã nộp khắc phục hậu quả theo biên lai số 0000266, ngày 17/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn

4. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lục Kim H, Hoàng Thị Minh T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm VKSNDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PA09, PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí